

Bản án số: 212/2024/DS-PT  
Ngày: 21-3-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thùy

*Các Thẩm phán:*

1/ Bà Huỳnh Thị Như Hà

2/ Bà Lê Thị Anh Minh

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký  
Tòa án nhân dân Thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/DS-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 537/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 1731/2024/QĐ-PT ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số F, đường C, Phường A, Quận A, Thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số C, đường số A, phường L, thành phố T, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/3/2022 tại Văn phòng C).

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A, đường số H, phường B, quận B, Thành phố H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số F, đường C, Phường A, Quận A, Thành phố H.

*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thu H.

(Tại phiên tòa: Ông T, bà H có mặt; bà T1 có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ*

án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn L do ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây ông Nguyễn L đã nhiều lần cho bà Nguyễn Thu H vay tiền để làm ăn. Để xác định rõ số tiền vay và thời hạn thanh toán hết khoản nợ, ngày 25/9/2017 ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thu H có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C1, với nội dung ông L cho bà H vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, không tính lãi suất. Sau đó, ông L có tiếp tục cho bà H vay thêm số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, theo các giấy nộp tiền các ngày 26/9/2017, ngày 19/10/2017 và ngày 24/10/2017. Ông L xác nhận đối với khoản nợ theo hợp đồng ngày 25/9/2017 thì bà H có trả cho ông làm nhiều lần, mỗi lần khoảng từ 01 (một) triệu đến 02 (hai) triệu đồng, tổng cộng khoảng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Hai bên giao nhận tiền mặt và không có làm biên nhận. Hết thời hạn vay, bà H không thanh toán cho ông số tiền còn nợ. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại cho ông L số tiền còn nợ theo hợp đồng vay ngày 25/9/2017 là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng), đồng thời yêu cầu bà H phải thanh toán cho ông L tiền lãi đối với số tiền còn nợ theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 26/9/2018 cho đến ngày 18/9/2023 (làm tròn 59 tháng) với số tiền: 285.000.000 đồng. Thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông L không yêu cầu giải quyết khoản nợ theo các giấy nộp tiền các ngày 26/9/2017, ngày 19/10/2017 và ngày 24/10/2017 trong vụ án này.

*Tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:*

Để xác nhận số tiền bà còn nợ ông L, ngày 25/9/2017 bà và ông Nguyễn L có ký hợp đồng vay tiền, với nội dung ông L cho bà H vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, không tính lãi suất.

Đối với khoản nợ này, từ ngày 25/9/2017 đến tháng 5/2018, bà H đã thanh toán cho ông L 260.000.000 đồng. Hiện tại bà H còn nợ ông L số tiền 340.000.000 đồng. Vì vậy, đối với yêu cầu của ông L thì bà H chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền 340.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu được trả mỗi tháng với số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc bà H thanh toán tiền cho ông L được thực hiện bằng nhiều phương thức như: chuyển khoản trực tiếp cho ông L, đưa tiền trực tiếp cho ông Nguyễn L1 - em ruột của ông Nguyễn L.

Việc bà H chuyển khoản cho ông L bằng hình thức đến trực tiếp ngân hàng và gửi tiền mặt vào tài khoản của ông L, bà H không còn giữ các biên nhận đã gửi tiền cho ông L và cũng không nhớ số tài khoản của ông L. Bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bà đã trả số tiền vay của ông Nguyễn L thông qua ông Nguyễn L1, do bà chỉ giao tiền mặt cho ông L1 và không có biên nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T1 trình bày: Số tiền tranh chấp giữa ông L và bà H là tài sản riêng của ông L. Bà T1 có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 537/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn L.

Buộc bà Nguyễn Thu H phải trả cho ông Nguyễn L tổng số 865.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là tiền 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 285.000.000 đồng (hai

trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/9/2023, bà Nguyễn Thu H có đơn kháng cáo vì cho rằng Tòa cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng dân sự khi không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng vì khi mượn tiền thì bà H cùng chồng bà đi mượn nhưng khi bị kiện thì tòa không triệu tập chồng bà đến tòa. Và những lần bà H trả tiền cho ông L đều thông qua người làm công của ông L là ông Nguyễn L1 (có địa chỉ tại số G, đường L, Phường G, quận T) trực tiếp nhận tiền của bà H. Bà H đã nhiều lần yêu cầu tòa mời đến để đối chất nhưng Tòa đã không chấp nhận đề nghị của bà và bà đã trả cho ông L được ½ /600.000.000 đồng bà đã mượn nhưng tòa cấp sơ thẩm không ghi nhận là gây thiệt hại cho bà. Từ những lý do trên bà H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Cụ thể: Trên thực tế bà đã trả lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất cao, cha mẹ bà còn phải bán nhà đất ở quê để đưa tiền cho bà trả nợ cho nguyên đơn nhưng do khi trả giữa hai bên không viết giấy biên nhận trả tiền nên nay bà không có chứng cứ, hiện tại bà không có nhà, công việc không ổn định nên đề nghị phía nguyên đơn tạo điều kiện cho bà có cơ hội trả nợ và ổn định duy trì cuộc sống, bà xin giảm số tiền nợ, cho bà được trả tổng số tiền là 400.000.000 đồng bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn có người đại diện là ông Lê Văn T đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Và không đồng ý giảm nợ cho bị đơn vì ngoài khoản nợ này còn 03 khoản nợ khác nguyên đơn đã rút lại không yêu cầu bị đơn phải trả là đã giảm cho bị đơn rất nhiều tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Xét thấy, nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thu H không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn kháng cáo theo qui định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thu H đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn



tuyên bà trả số nợ gốc còn thiếu là 340.000.000 đồng vì bà đã trả 260.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Xét thấy, bà H cho rằng Tòa cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi không đưa ông Đoàn Trung Đ là chồng của bà H và ông Nguyễn L1, bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 25/9/2017, tại Văn phòng C1 thể hiện bên cho vay là ông Nguyễn L, bên vay là bà Nguyễn Thu H. Tại Điều 5 của hợp đồng các bên thỏa thuận:

*“Cam kết của Bên A: Bên A cam kết số tiền cho vay trên đây thuộc sở hữu riêng hợp pháp của Bên A.*

*Cam kết của Bên B: Bên B cam kết sử dụng số tiền vay vì mục đích cá nhân riêng của Bên B. Bên B cam kết sử dụng các tài sản riêng của Bên B để thanh toán khoản nợ vay nêu trên khi đến hạn”.*

Như vậy, cho thấy ngay từ khi ký hợp đồng vay số tiền 600.000.000 đồng này bà H đã xác định đây là khoản vay riêng cá nhân mình, do đó ông Đào Trung Đ1 tuy là chồng bà H nhưng không liên quan việc ông L chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà H trả nợ và tòa cấp sơ thẩm không triệu tập ông Đào Trung Đ1 tham gia tố tụng là đúng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà H khai đã trả cho ông L 260.000.000 đồng nợ gốc nhiều lần và có lần đưa cho ông Nguyễn L1 là em trai của ông L, có lần đưa cho bà N, có lần nộp trực tiếp vào tài khoản của ông L tại ngân hàng. Việc này không được phía ông L thừa nhận, Tòa cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ của ông L1, bà N và tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà H đã trả số tiền trên vào tài khoản của ông L tại ngân hàng nhưng bà H không cung cấp được. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thu H về việc yêu cầu sửa án sơ thẩm.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 537/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn L.

Buộc bà Nguyễn Thu H phải trả cho ông Nguyễn L tổng số 865.000.000 đồng (Tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là tiền 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2.2 Về án phí:

Bà Nguyễn Thu H phải chịu 37.950.000 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn L được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2019/0071418 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố H.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2023/0026433 ngày 28/9/2023 do Chi cục thi hành án quận T lập.

## 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### *Nơi nhận:*

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thủy**